

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày: 15/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Liên- Ông Lê Phi Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02 /2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

BÙI Q., sinh năm 1989, tại N. Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã L, huyện Ph, tỉnh N; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi T và bà Nguyễn Thị Th; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1987 (có mặt).

Chị Bùi Thị B, sinh năm: 1996. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Ph, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 12/3/ 2019, Bùi Q. mang xe mô tô hiệu A, biển số: 85D1-666.xx và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003xx, mang tên Bùi Q. đến Công ty TNHH TM và DV T (chi nhánh khu phố 5, phường B, thành phố P) với mục đích cầm cố xe và giấy tờ với số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), khoảng 15 ngày sau sẽ chuộc lại. Khi đang làm thủ tục cầm cố, do nghi ngờ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của Q là giả nên chị Lê Thị H là nhân viên công ty đã báo cho Công an phường B. Qua kiểm tra Công an phường B đã mời Bùi Q. và những người có liên quan về làm việc (*Bút lục số 119-120, 122, 123A-123B*).

Quá trình điều tra, Bùi Q. khai nhận:

Khoảng tháng 6 năm 2018, em gái của Q là chị Bùi Thị B (sinh năm 1996, HKTT: Thôn T, xã L, huyện Ph) gửi về cho Q 01 (một) xe mô tô hiệu A, biển số: 59D1-666.xx, không có giấy tờ xe để Q sử dụng làm phương tiện di chuyển. Q sử dụng chiếc xe trên đến khoảng tháng 11 năm 2018, trong thời gian làm thuê ở thành phố Đ, tỉnh LĐ, do thấy xe mô tô biển số: 59D1-666.xx không có giấy tờ nên Q nhờ một người ở cùng dây trợ với Q tên Nguyễn Thị M (sinh năm 1991, HKTT: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đ) làm 01 biển số xe giả 85D1-666.xx và 01 giấy đăng ký xe giả mang tên và địa chỉ của Q với giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) với mục đích để tiện cho việc sử dụng xe tham gia lưu thông. Sau khi giao tiền cho M, khoảng hai ngày sau M giao lại cho Q 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 003xx mang tên Bùi Q.; 01 biển số xe mô tô số 85D1-666.xx. Khi nhận giấy đăng ký xe và biển số giả từ M, Q tháo biển số 59D1-666.xx và gắn biển số 85D1-666.xx vào xe để sử dụng lưu thông trên đường. Hiện biển số 59D1-666.xx Q đã làm thất lạc mất. Đến ngày 12/3/2019, do cần tiền đóng tiền huê, Q đã đem xe mô tô trên cùng giấy tờ giả đến Công ty TNHH TM và DV T để cầm cố thì bị phát hiện.

Qua làm việc tại Cơ quan điều tra, chị Bùi Thị B khai nhận: Chiếc xe mô tô hiệu A, biển số biển số 59D1-666.2xx là của người tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) trước đây là bạn trai của chị B ở cùng nhà trọ. Sau khi chia tay, người này bỏ đi đâu không rõ và để lại chiếc xe này cho chị B nhưng không có giấy tờ xe. Do không có nhu cầu sử dụng nên chị B gửi chiếc xe trên cho anh trai là Bùi Q. làm phương tiện lưu thông (*Bút lục số 107, 108-109, 110-111*).

Ngoài việc sử dụng giấy tờ giả nói trên, khoảng tháng 2 năm 2019, thấy chị Nguyễn Thị A (sinh năm 1987, HKTT Thôn T, xã L, huyện Ph) là em họ của Q đang sử dụng xe mô tô biển số 60B9-419.xx của tỉnh Đ nên Q nói với chị A là Q có biết chỗ làm giấy tờ đăng ký xe giả với giá 3.000.000 đồng. Do muốn xe có giấy tờ và biển số N cho tiện việc lưu thông, chị A đưa cho Q số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ chị Vân, Q dùng điện thoại di động hiệu N X5, màu xanh dương của Q nhắn tin qua ứng dụng Messenger với M để trao đổi về việc làm giả giấy đăng ký xe cho chị A. Sau đó, Q lên thành phố Đ để trực tiếp giao tiền làm giấy tờ giả cho M. Khoảng một tuần sau, M đưa cho Q 01 biển số 85B1-168.xx và 01 giấy đăng ký xe số 0225xx mang tên Nguyễn Thị A. Sau khi

nhận biển số và giấy chứng nhận đăng ký xe giả, chỉ A lắp biển số 85B1-168.xx vào xe nhưng chưa sử dụng thì bị cơ quan công an phát hiện, tạm giữ xe mô tô trên và giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy giả (*Bút lục số 112-113, 114-115, 117-118*).

Cơ quan CSĐT Công an thành phố P đã trưng cầu giám định mẫu con dấu trên Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 00394 mang tên Bùi Q. và Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy 022511 mang tên Nguyễn Thị A. Bản kết luận giám định số 78/KLGĐ ngày 02/8/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh N kết luận Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 00394 mang tên Bùi Q. và Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 022511 mang tên Nguyễn Thị A được làm giả, dấu tròn đóng trên các tài liệu này so với con dấu của Công an tỉnh N và Công an huyện P không phải do cùng một con dấu đóng ra (*Bút lục 52*).

Cáo trạng số 116/QĐ-VKSPR ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Bùi Q. về tội "*sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại khoản 1 điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Q. thừa nhận: Vào sáng ngày 12/3/2019, Bùi Q. đã thực hiện hành vi sử dụng 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 003xx là giấy tờ giả và xe mô tô hiệu A biển số 85D1-666.xx giả đến Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T tại khu phố 5, phường Bảo An, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để cầm cố lấy số tiền 4.000.000 đồng thì bị phát hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, cáo trạng số 116/QĐ-VKSPR ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo về tội "*sử*

dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của Bùi Q. là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ninh tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo quy định tại điểm i, h, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự nên được xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo hưởng án treo cũng có tác dụng răn đe giáo dục.

[4] Trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị B và Nguyễn Thị A không có yêu cầu về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu N X5, màu đen, IMEI: 3569270934537XX là điện thoại mà Q dùng để liên lạc với Nguyễn Thị M giao dịch làm giấy tờ giả. Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước..

- 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 003xx mang tên Bùi Q. và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0225xx mang tên Nguyễn Thị A: Đây là giấy tờ giả, Hội đồng xét xử xét thấy nên lưu giữ lại như là một chứng cứ trong hồ sơ.

Riêng biển số xe số: 85D1-666.xx và biển số xe: 85D1- 168.xx là biển số giả, không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử xét thấy nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Ax, màu đen, số máy: JF18E50612xx, số khung: 8047Y5610xx. Hiện nay, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Pchưa xác định được chủ sở hữu nên đã tách riêng để tiếp tục tạm giữ, khi nào có đủ căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau là phù hợp (*Bút lục số 71, 72, 73, 74*).

- 01 (một) xe mô tô hiệu W, màu đen, không có biển kiểm soát, số máy: JA38E00288xx, số khung: 380XGY0082xx. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh nguồn gốc chiếc xe trên và có căn cứ xác định chiếc xe trên là của ông Phan Văn Th có biển số 60B9-419.xx. Ngày 06/01/2019, ông Phan Văn Th đã bán chiếc xe trên cho chị Nguyễn Thị A. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe cho chị Nguyễn Thị A là có căn cứ (*Bút lục số 62, 63-64, 65-68*).

[6] Đối với hành vi làm giả giấy tờ của Nguyễn Thị M, do hành vi vi phạm xảy ra trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh LĐ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ,

tỉnh LĐ thụ lý điều tra theo thẩm quyền là đúng quy định pháp luật. (*Bút lục số 56, 57, 58*).

[7] Đối với chị Nguyễn Thị A có hành vi nhờ Q làm giả giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy và biển số xe giả nhưng chị Vân chưa sử dụng. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

[8] Đối với hành vi Bùi Q. giới thiệu cho chị Nguyễn Thị A làm giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy và biển số giả, hiện nay chưa làm việc được với Nguyễn Thị M, khi nào điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Q. phạm tội "*sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 341, điểm h, i, s khoản 1 điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Q. 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Q. cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Ph, tỉnh N nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục. Trong trường hợp Bùi Q. thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Bùi Q. cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điều 46, điều 47 Bộ luật Hình sự 2015.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu N X5, màu đen, IMEI: 3569270934537xx.

- Tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe số: 85D1-666.xx và 01 biển số xe: 85D1-168.xx.

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 00394 mang tên Bùi Q.; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 022511 mang tên Nguyễn Thị A. Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P có

trách nhiệm giao 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 003xx mang tên Bùi Q. và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0225xx mang tên Nguyễn Thị A cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Các vật chứng này hiện Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Pđang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Pvà Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P ngày 04/12/2019.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ấn xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh NT;
- Chi cụcTHADS TPP;
- VKSND TP.P;
- Công an tp. P;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- UBND xã L;
- Lưu HS+ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Ninh Thị Kiều Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Anh Thư Trần Quốc Huy

Ninh Thị Kiều Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường

trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu

(bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

